

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 741 /GCN-SKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4331/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và An toàn bức xạ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội chứng nhận:

1. Viện Khoa học và Đổi mới sáng tạo

Địa chỉ: LK 20A, ô số 15, khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội. Việt Nam.

Địa chỉ hoạt động: Phòng 8A, tầng 8, tòa nhà hỗn hợp sông Đà, số 131 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0905423748;

E-mail: info@iosin.org

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (có phụ lục kèm theo).

2. Số đăng ký: 05/01/CN

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 (năm) năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học và Đổi mới sáng tạo;
- Chủ tịch UBND TP Hà Nội | (để b/cáo);
- UB TCĐLCL Quốc gia;
- Lưu: VT, TĐC&ATBX. (Phụ lục)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tố Quyên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 741 /GCN-SKHCN ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn kỹ thuật
1.	Máy hút bụi và thiết bị làm sạch mát hút nước	TCVN 5699-2-2:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-2: Yêu cầu cụ thể đối với máy hút bụi và thiết bị làm sạch có hút nước
2.	Máy vắt ly tắm	TCVN 5699-2-4:2014: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể đối với máy vắt ly tắm
3.	Máy rửa bát	TCVN 5699-2-5:2014: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-5: Yêu cầu cụ thể đối với máy rửa bát
4.	Lò liên bếp, bếp, lò và các thiết bị tương tự đặt tĩnh lại	TCVN 5699-2-6:2017: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể đối với lò liên bếp, bếp, lò và các thiết bị tương tự đặt tĩnh tại
5.	Máy giặt	TCVN 5699-2-7:2010: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-7: Yêu cầu cụ thể đối với máy giặt
6.	Máy xử lý sàn và máy cọ sửa	TCVN 5699-2-10:2007: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-10: Yêu cầu cụ thể đối với máy xử lý sàn và máy cọ rửa
7.	Thiết bị làm khô có cơ cấu đảo	TCVN 5699-2-11:2006: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-11: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị làm khô có cơ cấu đảo
8.	Tắm gia nhiệt và các thiết bị tương tự	TCVN 5699-2-12:2006: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-12: Yêu cầu cụ thể đối với tắm gia nhiệt và các thiết bị tương tự
9.	Chảo rán ngập dầu, chảo rán và các thiết bị điện tương tự	TCVN 5699-2-13:2007: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể đối với chảo rán ngập dầu, chảo rán và các thiết bị tương tự
10.	Máy dùng cho nhà bếp	TCVN 5699-2-14:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-14: Yêu cầu cụ thể đối với máy dùng cho nhà bếp
11.	Tắm gia nhiệt và các thiết bị tương tự	TCVN 5699-2-12:2006: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-12: Yêu cầu cụ thể đối với tắm gia nhiệt và các thiết bị tương tự
12.	Chảo rán ngập dầu, chảo rán và các thiết bị điện tương tự	TCVN 5699-2-13:2007: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể đối với chảo rán ngập dầu, chảo rán và các thiết bị tương tự

13.	Máy dùng cho nhà bếp	TCVN 5699-2-14:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-14: Yêu cầu cụ thể đối với máy dùng cho nhà bếp
14.	Chăn, gối và các thiết bị gia nhiệt được uốn tương tự	TCVN 5699-2-17:2006: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-17: Yêu cầu cụ thể đối với chăn, gối và các thiết bị gia nhiệt uốn được tương tự
15.	Đồng hồ điện	TCVN 5699-2-26:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-26: Yêu cầu cụ thể đối với đồng hồ
16.	Máy khâu	TCVN 5699-2-28:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-28: Yêu cầu cụ thể đối với máy khâu
17.	Thiết bị sưởi trong phòng	TCVN 5699-2-30:2010: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-30: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị sưởi dùng trong phòng
18.	Máy hút mùi và máy hút khói nấu nướng khác	TCVN 5699-2-31:2014: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-31: Yêu cầu cụ thể đối với máy hút mùi và máy hút khói nấu nướng khác
19.	Thiết bị mát xa	TCVN 5699-2-32:2011: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-32: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị mát xa
20.	Máy bơm	TCVN 5699-2-41:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-41: Yêu cầu cụ thể đối với máy bơm
21.	Thiết bị sấy khô quần áo và giá sấy khăn	TCVN 5699-2-43:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-43: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị sấy khô quần áo và giá sấy khăn
22.	Thiết bị nấu cách thủy bằng điện dùng trong thương mại	TCVN 5699-2-50:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-50: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị nấu cách thủy bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại
23.	Thiết bị vệ sinh răng miệng	TCVN 5699-2-52:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-52: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị vệ sinh răng miệng
24.	Thiết bị làm sạch vệ mặt dùng trong gia đình có sử dụng chất lỏng hoặc hơi nước	TCVN 5699-2-54:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-54: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị làm sạch bề mặt dùng trong gia đình có sử dụng chất lỏng hoặc hơi nước
25.	Máy chiếu và thiết bị điện tương tự	TCVN 5699-2-56:2007: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-56: Yêu cầu cụ thể đối với máy chiếu và các thiết bị tương tự
26.	Buồng tắm đa chức năng có vòi hoa sen	TCVN 5699-2-105:2014: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-105: Yêu cầu cụ thể đối với buồng tắm đa chức năng có vòi hoa sen

27.	Máy cạo râu, tổng đơ điện và thiết bị tương tự	TCVN 5699-2-8:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-8: Yêu cầu cụ thể đối với máy cạo râu, tổng đơ điện và các thiết bị tương tự
28.	Bộ nạp acqui	TCVN 5699-2-29:2007: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-29: Yêu cầu cụ thể đối với bộ nạp acqui
29.	Thiết bị chiếu lên da bằng bức xạ cực tím và hồng ngoại	TCVN 5699-2-27:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-27: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị chiếu lên da bằng bức xạ cực tím và hồng ngoại
30.	Bơm nhiệt, máy điều hòa không khí và máy hút ẩm	TCVN 5699-2-40:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-40: Yêu cầu cụ thể đối với bơm nhiệt, máy điều hòa không khí và máy hút ẩm
31.	Thiết bị làm sạch không khí	TCVN 5699-2-65:2010: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-65: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị làm sạch không khí
32.	Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự	TCVN 5699-1:2010: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 1: Yêu cầu chung
33.	Tủ lạnh, tủ làm kem và tủ nước đá	TCVN 5699-2-24:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-24: Yêu cầu cụ thể đối với tủ lạnh, tủ làm kem và làm nước đá
34.	Máy dùng cho nhà bếp	TCVN 5699-2-14:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-14: Yêu cầu cụ thể đối với máy dùng cho nhà bếp
35.	Bồn rửa sử dụng điện trong thương mại	TCVN 5699-2-62:2013: Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-62: Yêu cầu cụ thể đối với bồn rửa sử dụng điện dùng trong thương mại
36.	Máy giặt thảm kiểu phun hút dùng cho mục đích thương mại	TCVN 5699-2-68:2014: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-68: Yêu cầu cụ thể đối với máy giặt thảm kiểu phun hút dùng cho mục đích thương mại
37.	Thiết bị nấu cách thủy bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	TCVN 5699-2-50:2007: Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - an toàn - Phần 2-50: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị nấu cách thủy bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại
38.	Máy lọc nước	TCVN 11978:2017: Máy lọc nước dùng trong gia đình
39.	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	
40.	Dụng cụ điện đun nước nóng và chứa nước nóng	
41.	Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu	

42.	Quạt điện	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
43.	Ấm đun nước	
44.	Nồi cơm điện	
45.	Bàn là điện	
46.	Lò vi sóng	
47.	Lò nướng điện, vi nướng điện (loại di động)	
48.	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng	
49.	Dụng cụ pha chè hoặc pha cà phê	
50.	Máy sấy khô tay	
51.	Dây và cáp điện hạ áp (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50V và trên 1000V)	
52.	Quạt trần	TCVN 1444:1994: Quạt trần
53.	Quạt bàn	TCVN 4265:1994: Quạt bàn
54.	Quạt công nghiệp	TCVN 9075:2011: Quạt công nghiệp - Đặc tính kỹ thuật về chất lượng cân bằng và các mức rung
55.	Dây điện từ PVF	TCVN 4305:1992: Dây điện từ PVF
56.	Sợi dây đồng tròn tráng men Polyester cấp chịu nhiệt 155	TCVN 7675-3:2007: Quy định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 3: sợi dây đồng tròn tráng men polyeste, cấp chịu nhiệt 155
57.	Cáp dùng cho điện áp danh định từ 6kV ($U_m=7,2kV$) đến 30Kv ($U_m=30kV$)	TCVN 5935-2:2013: Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ 1 kv ($u_m=1,2kv$) đến 30 kv ($u_m=36kv$) – Phần 2: Cáp dùng cho điện áp danh định từ 6 kv ($u_m=7,2 kv$) đến 30 kv ($u_m=30kv$)
58.	Cáp cách điện bằng cao su. Điện áp danh định đến và bằng 450/750V	TCVN 9615-1:2013: Cáp cách điện bằng cao su – điện áp danh định đến và bằng 450/750 v – Phần 1: Yêu cầu chung

59.	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông	TCVN 8665:2011: Sợi quang dùng cho mạng viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật chung
60.	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007: Ruột dẫn của cáp cách điện
61.	Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện dùng cho điện danh định từ 1kV ($U_m = 1,2kV$) đến 3kV ($U_m = 3,6kV$)	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009): Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện dùng cho điện áp danh định từ 1kV ($U_m = 1,2kV$) đến 30kV ($U_m = 36kV$) - Phần 1: Cáp dùng cho điện áp danh định bằng 1kV ($U_m = 1,2kV$) đến 3kV ($U_m = 3,6kV$)
62.	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không - dây trần có sợi xoắn thành các lớp đồng tâm	TCVN 8090:2008 (IEC 62219:2002): Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không - Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm
63.	Cáp điện văn xoắn cách điện bằng XLpe điện áp làm việc đến 0,6/1kV	TCVN 6447:1998: Cáp điện văn xoắn cách điện bằng XLpe điện áp làm việc đến 0,6/1kV
64.	Ố cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự	TCVN 6188-1:2007: Ố cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung
65.	Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống tương tự	TCVN 6480-1:2008: Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung
66.	Bóng đèn huỳnh quang hai đầu	TCVN 5175:2014: Bóng đèn huỳnh quang hai đầu - Quy định về an toàn
67.	Bóng đèn thủy ngân cao áp	TCVN 5324:2007: Bóng đèn thủy ngân cao áp - Yêu cầu về tính năng
68.	Balat dùng cho bóng đèn huỳnh quang dạng ống	TCVN 6479:2010: Balat dùng cho bóng đèn huỳnh quang dạng ống - Yêu cầu về tính năng
69.	Tắc te chớp sáng dùng cho bóng đèn huỳnh quang	TCVN 6482:1999: Tắc te chớp sáng dùng cho bóng đèn huỳnh quang
70.	Bóng đèn huỳnh quang một đầu	TCVN 7591:2014: Bóng đèn huỳnh quang một đầu - Quy định về an toàn
71.	Bóng đèn huỳnh quang hai đầu	TCVN 7670:2007: Bóng đèn huỳnh quang hai đầu - Yêu cầu về tính năng

72.	Ba lát dùng cho bóng đèn phóng điện	TCVN 7684:2007: Phụ kiện dùng cho bóng đèn- Balat dùng cho bóng đèn phóng điện (không kể bóng đèn huỳnh quang dạng ống) - Yêu cầu về tính năng
73.	Đèn điện thông dụng lắp có định	TCVN 7722-2-1:2013: Đèn điện – Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể - Đèn điện thông dụng lắp có định
74.	Đèn điện thông dụng lắp di động	TCVN 7722-2-4:2013: Đèn điện – Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể - đèn điện thông dụng lắp có định
75.	Đèn điện di động dùng trong vườn	TCVN 7722-2-7:2013: Đèn điện – Phần 2-7: Yêu cầu cụ thể - đèn điện di động trong vườn
76.	Đèn điện có biến áp hoặc bộ chuyển lắp sẵn dùng cho bóng đèn sợi đốt	TCVN 7722-2-6:2009: Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể -Mục 6: đèn điện có biến áp hoặc bộ chuyển đổi lắp sẵn dùng cho bóng đèn sợi đốt
77.	Đèn điện dùng Led	TCVN 10885-2-2:2015 (IEC 62722-2-1:2014): Tính năng đèn điện - Phần 2.1: Yêu cầu cụ thể đối với đèn điện led
78.	Modun Led dùng cho chiếu sáng thông dụng	- TCVN 8781:2015 (IEC 62031:2014): Môđun led dùng cho chiếu sáng thông dụng - Quy định về an toàn - TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014): Môđun led dùng cho chiếu sáng thông dụng - Yêu cầu về tính năng
79.	Bóng đèn Led có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50V	TCVN 8782:2017: Bóng đèn led có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50V -Quy định về an toàn
80.	Bóng đèn Led có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50V	TCVN 8783:2015: Bóng đèn led có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50V - Yêu cầu về tính năng
81.	Đèn điện	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014): Đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm
82.	Bóng đèn có ba lát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng	TCVN 7672:2014: Bóng đèn có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng - Yêu cầu về an toàn
83.	Bóng đèn có ba lát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng	TCVN 7673:2007: Bóng đèn có balat lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng - Yêu cầu về tính năng
84.	Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2019: Đèn điện - Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể -Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường và phố

85.	Bộ điều khiển điện tử một chiều hoặc xoay chiều dùng cho các modul LED	TCVN 9892:2013 (IEC62384:2011): Bộ điều khiển điện tử nguồn một chiều hoặc xoay chiều dùng cho các mô đun LED - Yêu cầu về tính năng
86.	Đu, cầu trượt và các đồ chơi vận động tương tự sử dụng tại gia đình	TCVN 6238-4A:2017: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 4A: Đu, cầu trượt và các đồ chơi vận động tương tự sử dụng tại gia đình - TCVN 6238-1:2017: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 1: Các yêu cầu an toàn liên quan đến tính chất cơ lý - TCVN 6238-2:2017: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 2: Tính cháy - TCVN 6238-3:2011: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 3 : Giới hạn mức thời gian của một số nguyên tố độc hại - TCVN 6238-9:2010: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 9: Hợp chất hóa học hữu cơ - yêu cầu chung - TCVN 6238-5:1997: An toàn đồ chơi trẻ em - Bộ đồ chơi hóa học ngoài bộ đồ chơi thực nghiệm - TCVN 6238-7:2017: An toàn đồ chơi trẻ em - Phần 7: Yêu cầu và phương pháp thử cho sơn dùng bằng tay - QCVN 3:2019/BKHCN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Về An toàn đồ chơi trẻ em
87.	Đồ chơi trẻ em	TCVN 7490:2005: ECGÔNÔMI - Bàn ghế học sinh tiêu học và trung học cơ sở - Yêu cầu về kích thước cơ bản theo chỉ số nhân trắc của học sinh - TCVN 7064:2010: Giấy vệ sinh - TCVN 7065:2010: Khăn giấy - TCVN 11528:2016: Khăn ướt sử dụng một lần - TCVN 10585:2014: Băng vệ sinh phụ nữ
88.	ECGÔNÔMI - Bàn ghế học sinh và trung học cơ sở	TCVN 8525:2015: Máy biến áp phân phối - mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng - TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011): Máy biến áp điện lực - Phần 1: Qui định chung - TCVN 6306-2:2006 (IEC 60076-2 : 1993): Máy biến áp điện lực - Phần 2: Độ tăng nhiệt - TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000): Máy biến áp điện lực - Phần 3: Mức cách điện, thử nghiệm điện môi và khoảng cách ly bên ngoài trong không khí
89.	Khăn giấy, giấy vệ sinh, giấy tissue	
90.	Máy biến áp điện lực	

91.	Dầu nhớt động cơ đốt trong	QCVN 14:2018/BKHCN và sửa đổi 01:2018 QCVN 14:2018/BKHCN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhớt động cơ đốt trong
92.	Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp	- TCVN 7994-1:2009 (IEC 60439-1: 2004): Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp - Phần 1: Tủ điện được thử nghiệm điển hình và tủ điện được thử nghiệm điển hình từng phần
93.	Khóa cửa có tay nắm	TCVN 5762:1993: Khóa cửa có tay nắm - Yêu cầu kỹ thuật.
94.	Khoá treo	TCVN 5761:1993: Khoá treo - Yêu cầu kỹ thuật
95.	Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời	TCVN 8251:2009: Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời-Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
96.	Nông nghiệp hữu cơ	- TCVN 11041-1:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ - TCVN 11041-2:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ - TCVN 11041-3:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ - TCVN 11041-5:2018 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ - TCVN 11041-6:2018 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 6: Chè hữu cơ - TCVN 11041-7:2018 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 7: Sữa hữu cơ - TCVN 11041-8:2018 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 8: Tôm hữu cơ

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật/ văn bản quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chứng nhận: Viện Khoa học và Đổi mới sáng tạo phải tuân thủ quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng ban hành trước khi thực hiện chứng nhận.